

Số: *37* /2019/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày *20* tháng *12* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên
và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

*Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6
năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin,
dữ liệu tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài
nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
6995/TTr-STNMT ngày 25 tháng 11 năm 2019 về Dự thảo Quyết định ban hành
Quy chế khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa
bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế khai thác và sử dụng
Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *01* tháng *01* năm *2020*.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và
Môi trường, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND Tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT.UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (KTVB);
- Đài PTTH tỉnh, Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, STNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc

QUY CHẾ

Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37 /2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm
2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường) là Cơ sở dữ liệu tích hợp, tập hợp từ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý, bao gồm:

- a) Cơ sở dữ liệu đất đai;
- b) Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước;
- c) Cơ sở dữ liệu môi trường;
- d) Cơ sở dữ liệu địa chất và khoáng sản;
- đ) Cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo;
- e) Cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ;
- g) Cơ sở dữ liệu viễn thám;
- h) Cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu;

i) Cơ sở dữ liệu về kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

k) Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường;

l) Cơ sở dữ liệu về hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường;

m) Cơ sở dữ liệu về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

Điều 3. Các hành vi nghiêm cấm

1. Truy cập vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường để thực hiện các công việc không được giao.

2. Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Truy cập vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường bằng tài khoản của người khác.

4. Để cho người khác sử dụng tài khoản của mình để truy cập vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

5. Sửa đổi, xóa bỏ thông tin trong Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trái quy định, làm biến dạng giao diện, làm sai lệch hệ thống quản trị, thay đổi cấu trúc dữ liệu hay bất kỳ hành vi nào khác tác động đến hoạt động hay thông tin có trong cơ sở dữ liệu.

6. Sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường vào những mục đích trái pháp luật, mục đích khác không phục vụ cho hoạt động của tổ chức mình hay hoạt động quản lý nhà nước.

7. Lợi dụng việc cung cấp Cơ sở dữ liệu để sách nhiễu, trục lợi, phát tán các dữ liệu trái với quy định của pháp luật.

8. Tiết lộ trái pháp luật các thông tin về cá nhân, tổ chức, tài sản, và các thông tin khác mà mình biết được trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

9. Vi phạm pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ đối với Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

10. Những hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Kinh phí duy trì, vận hành Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Kinh phí duy trì, vận hành Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường do ngân sách Tỉnh bố trí trong kinh phí chi cho sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Thiết lập và hướng dẫn vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thiết lập hệ thống Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh, hướng dẫn cho các đơn vị có liên quan vận hành, cập nhật thông tin cho hệ thống.

1. Thiết lập hệ thống Cơ sở dữ liệu theo đúng mô hình triển khai đã được phê duyệt, hướng dẫn các đơn vị có liên quan đưa hệ thống vào vận hành khai thác.

a) Thiết lập hạ tầng bao gồm hệ thống máy chủ, đường truyền, hệ thống Cơ sở dữ liệu theo đúng mô hình triển khai đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử của Tỉnh.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức đào tạo, triển khai hướng dẫn sử dụng hệ thống cho các đơn vị có liên quan đến vận hành khai thác hệ thống Cơ sở dữ liệu.

2. Thiết lập dữ liệu nền cho hệ thống Cơ sở của các sở, ban, ngành

a) Thiết lập các dịch vụ cung cấp dữ liệu của ngành Tài nguyên và Môi trường cho các sở, ban, ngành trong Tỉnh để sử dụng chung Cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan để chia sẻ, liên thông giữa các Cơ sở dữ liệu.

Điều 6. Trách nhiệm kiểm duyệt, xây dựng, vận hành và cập nhật Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm kiểm duyệt các thông tin được cập nhật vào hệ thống Cơ sở dữ liệu và đảm bảo lưu vết (log) hệ thống của toàn bộ các quá trình cập nhật dữ liệu vào hệ thống Cơ sở dữ liệu theo quy định; tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin được lưu trữ, khai thác và sử dụng trong Cơ sở dữ liệu.

2. Trách nhiệm xây dựng, vận hành và cập nhật Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh trong việc chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc giao nộp và thu thập Cơ sở dữ liệu; xây dựng, vận hành và cập nhật Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của Tỉnh.

b) Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật đối với các nội dung dữ liệu được phân công cập nhật. Xây dựng, tích hợp, kết nối, liên thông, quản lý, cập nhật Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ khai thác, cung cấp Cơ sở dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng đúng mục đích.

c) Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật Cơ sở dữ liệu địa chính, Cơ sở dữ liệu thống kê kiểm kê đất đai là thành phần của Cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 7. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức vận hành hệ thống đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu an toàn máy tính và an ninh mạng; tổ chức phân công nhiệm vụ bảo đảm an toàn Cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được phép sử dụng hệ thống Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm vận hành hệ thống theo đúng quy định, đảm bảo an ninh an toàn Cơ sở dữ liệu và tính bảo mật của hệ thống.

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường Tỉnh phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

Điều 8. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu từ hệ thống Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh được thực hiện thông qua các hình thức sau:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố truy cập trực tiếp vào hệ thống Cơ sở dữ liệu, thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng trên hạ tầng mạng LAN, WAN hoặc hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn Tỉnh.

b) Các sở, ban, ngành kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng thông tin trên mạng Internet thông qua Cổng thông tin điện tử của Tỉnh hoặc Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường. Sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường để phát triển các hệ thống quản lý chuyên ngành.

c) Các tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu thông qua các ứng dụng trên mạng Internet, Phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu đối với cơ quan quản lý, cung cấp Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường và trả chi phí khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (trừ đối tượng không phải thu phí) theo quy định pháp luật.

d) Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý Cơ sở dữ liệu và bên khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng được phép khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường là các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng vào mục đích hợp pháp.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có trách nhiệm sau:

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
2. Phải thông báo kịp thời cho cơ quan khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về những sai sót Cơ sở dữ liệu đã cung cấp.
3. Không chuyển dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng (trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dữ liệu). Không làm sai lệch Cơ sở dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.
4. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu của mình.
5. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp Cơ sở dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.
6. Trả kinh phí khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp Cơ sở dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của việc khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng duy trì hệ thống thông tin, cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường nhằm cung cấp Cơ sở dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân theo quy định hoặc ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; thu chi phí khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương theo quy định.

4. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân Tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống Cơ sở dữ liệu theo đúng mô hình triển khai được phê duyệt.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập dự toán kinh phí phục vụ cho công tác khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

7. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, duy trì, lưu trữ Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hoạt động liên tục, hiệu quả.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ cho các ngành, các lĩnh vực.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xây dựng kinh phí, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kinh phí phục vụ cho công tác khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; hướng dẫn, kiểm tra việc thu, nộp, quản lý, sử dụng kinh phí khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Các tổ chức, cá nhân có dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của Tỉnh nhằm thống nhất trong khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường; lập biên bản xác nhận giao nộp sản phẩm Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, làm cơ sở cho công tác thanh

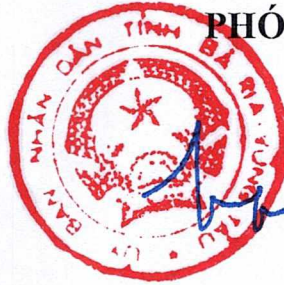
quyết toán kinh phí theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *pmh*



[Signature]
Lê Tuấn Quốc